

CTCP Hòa Bình Takara

Ngày 30/09/2025	11,300 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-	-	-

DT thuần Q3/25
15.3
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.60 4.1%
YoY: ▼ 5.10 -25.0%

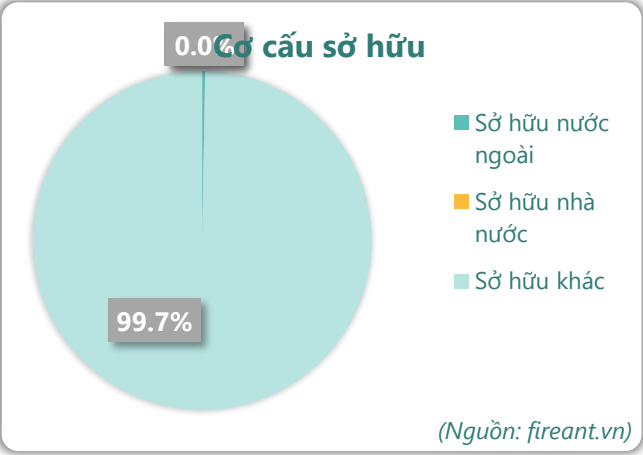
LN thuần Q3/25
0.26
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.02 -6.4%
YoY: ▼ 0.22 -45.4%

LN sau thuế Q3/25
0.17
tỷ VNĐ
QoQ: ▼ 0.06 -27.8%
YoY: ▼ 0.21 -56.3%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
1.4%
YoY: +/- ▼ 0.5%

ROE (TTM) Q3/25
0.4%
YoY: +/- ▼ 0.1%

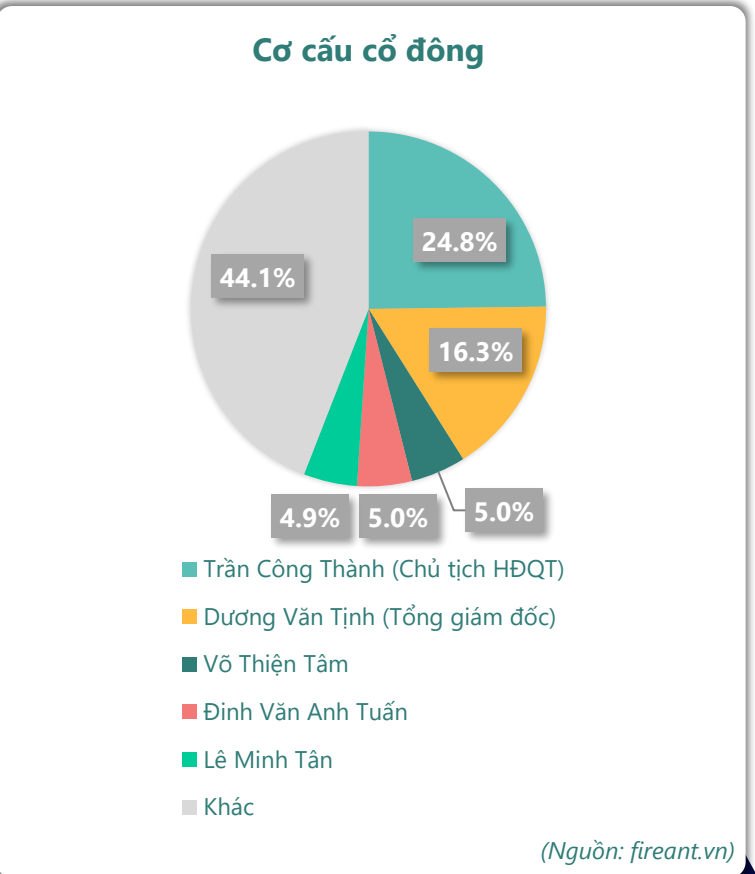
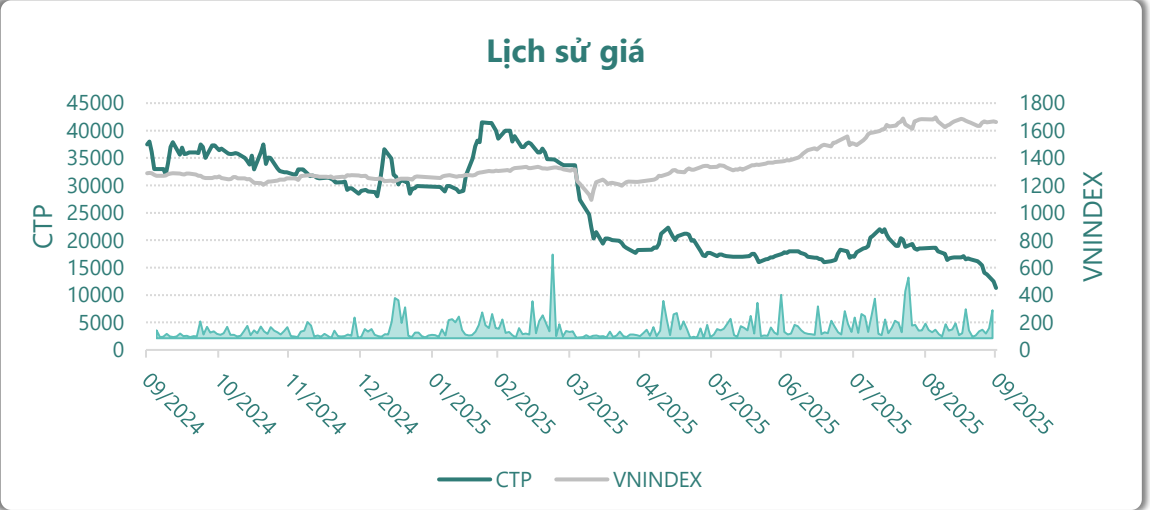
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	11,300 - 41,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	137
Số lượng CPLH (CP)	12,099,992
KLGD BQ 20 phiên (CP)	73,225
Sở hữu nước ngoài	0.3%
Beta	0.48
EPS	50
P/E	224.4



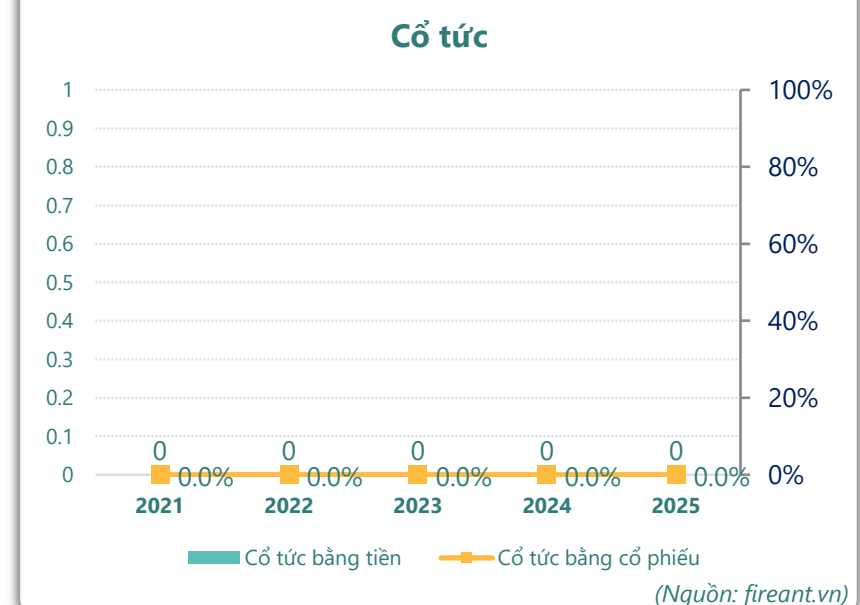
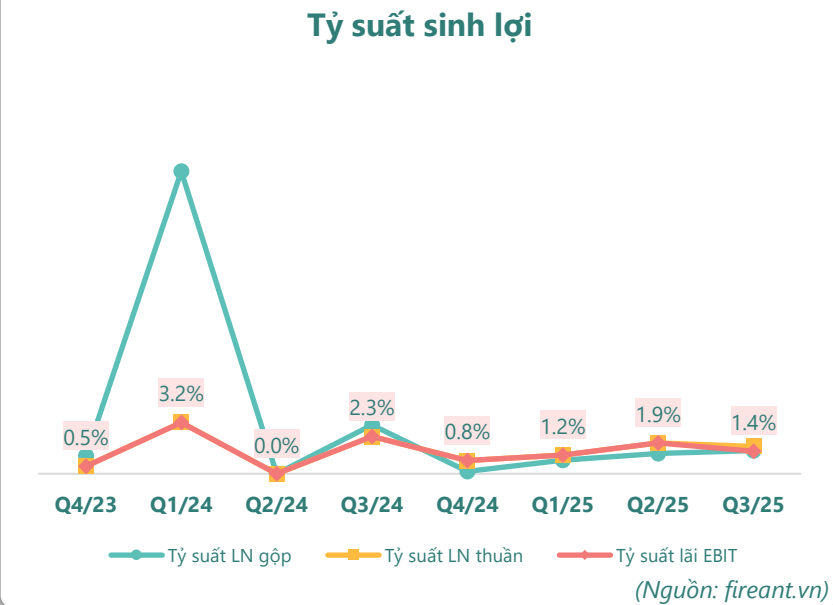
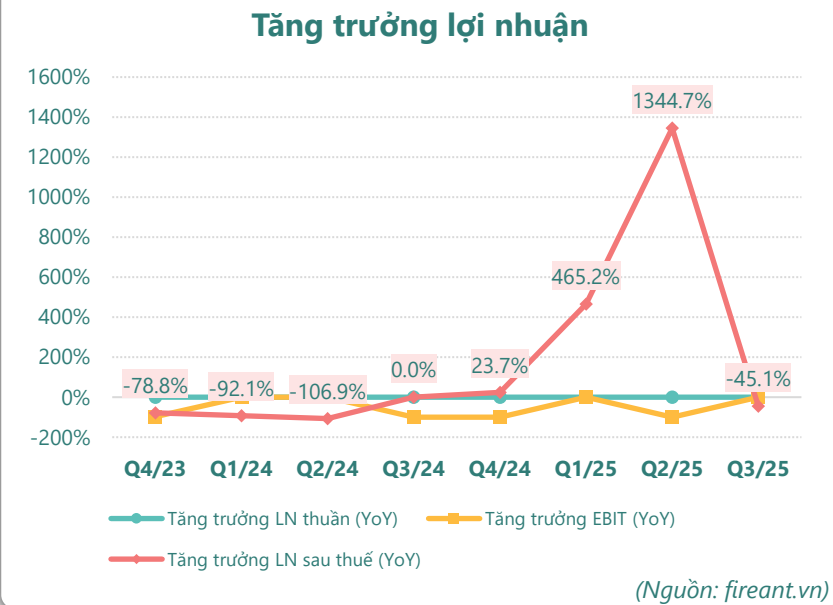
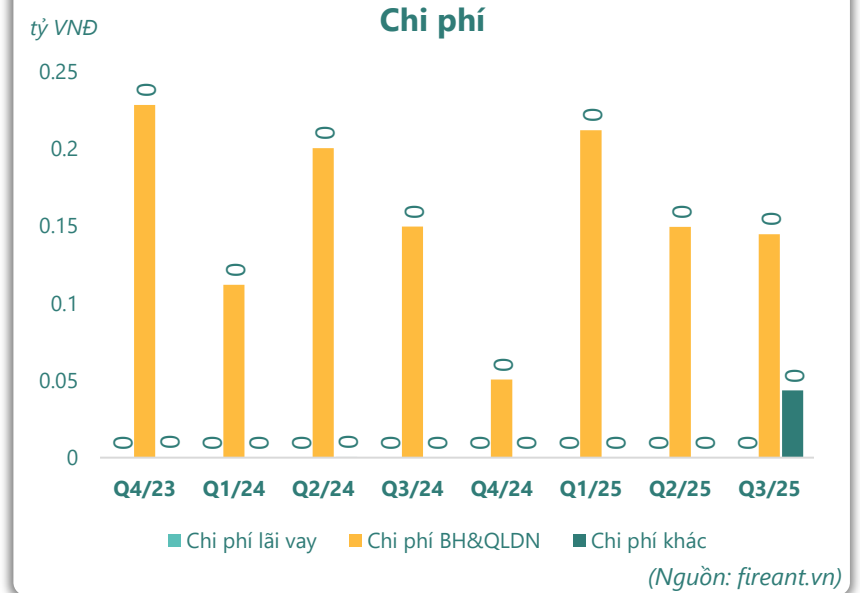
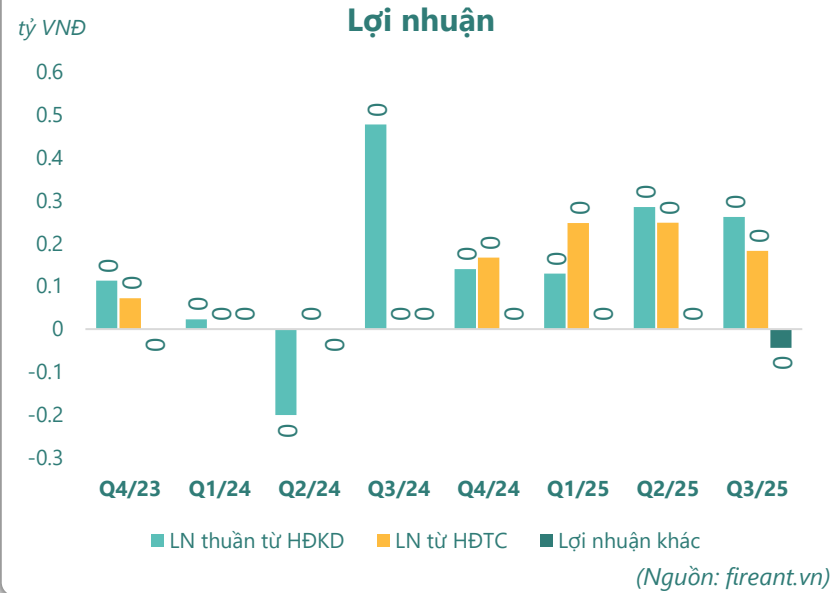
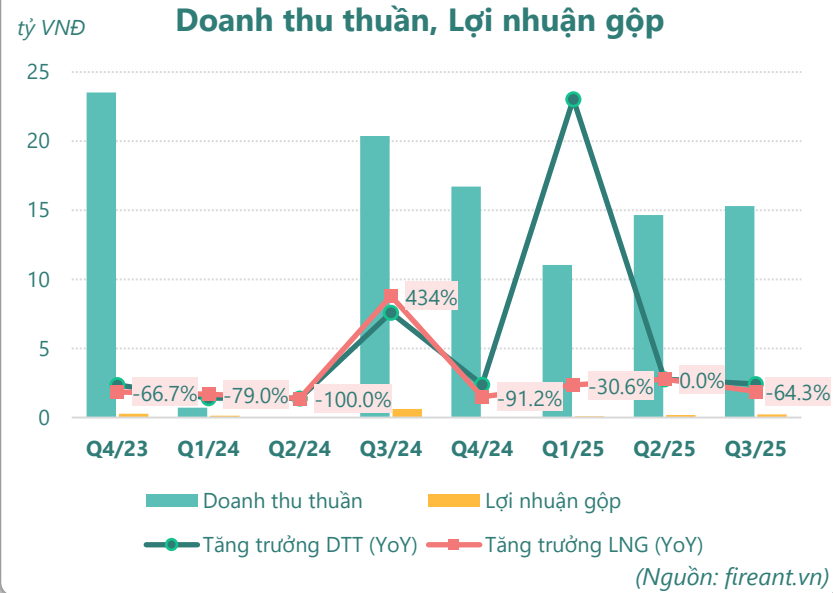
DT thuần 9T 2025
41.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 19.9 94.6%

LN thuần 9T 2025
0.68
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.38 126%

LN sau thuế 9T 2025
0.50
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.30 144%



KẾT QUẢ KINH DOANH

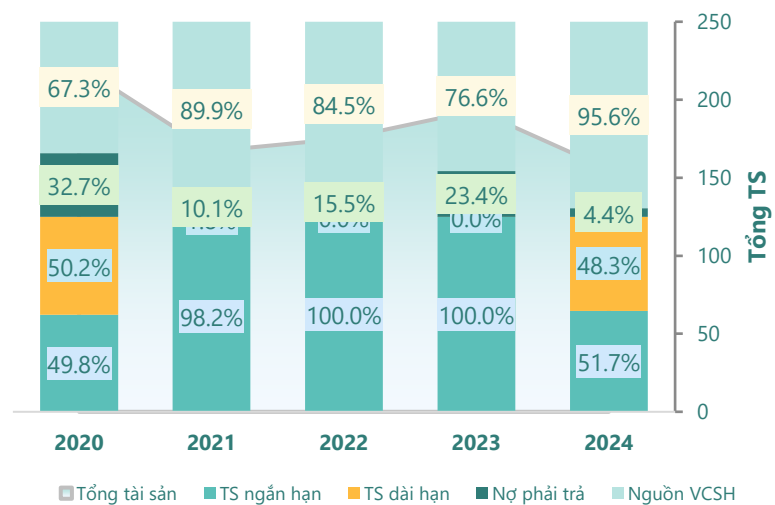




TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

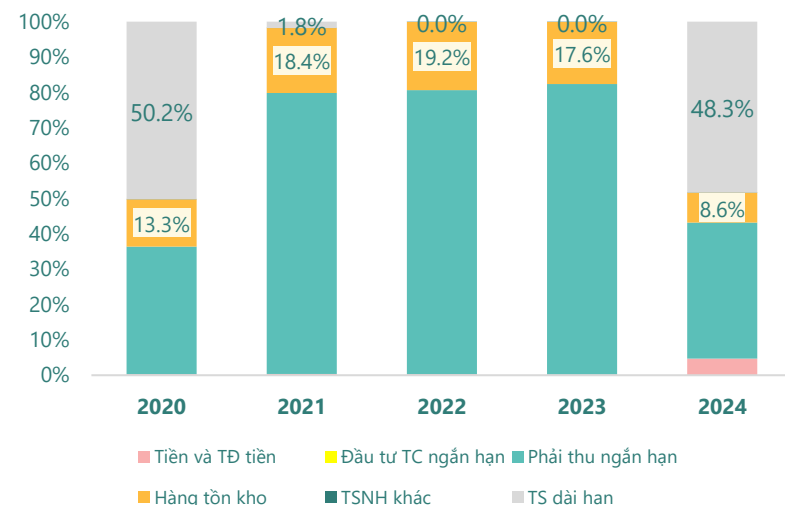
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

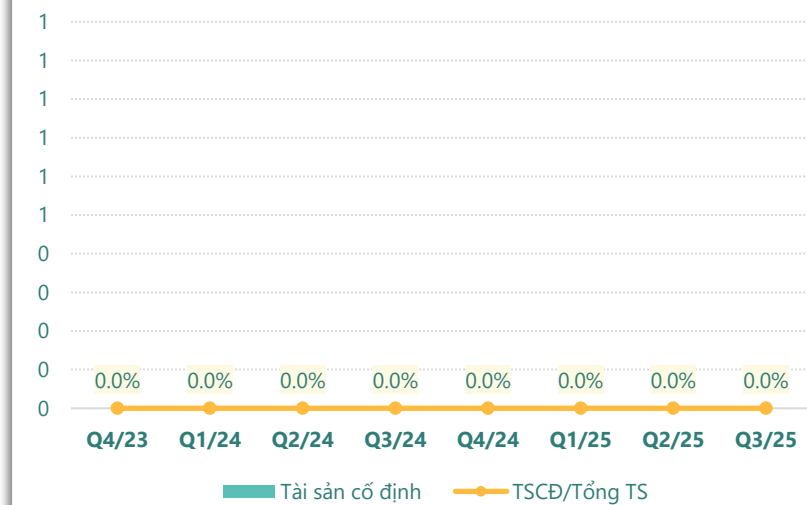
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

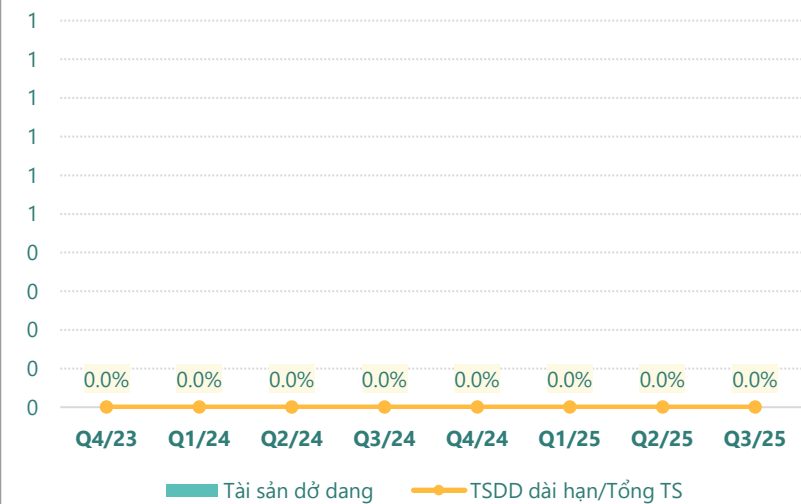
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

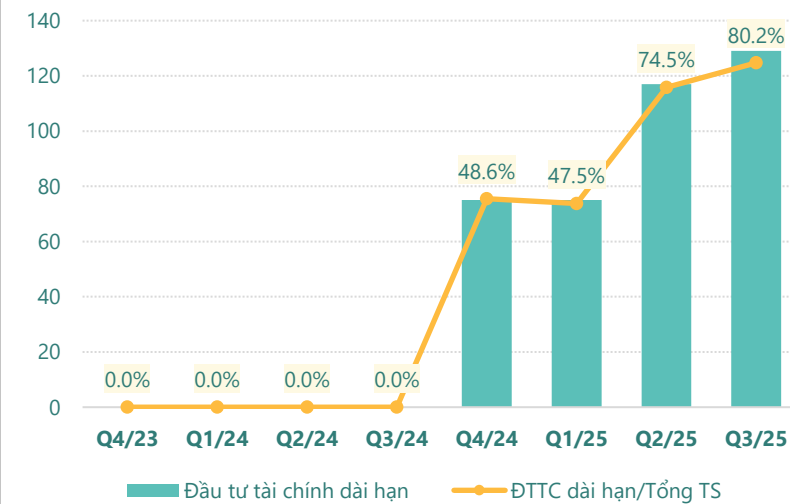
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

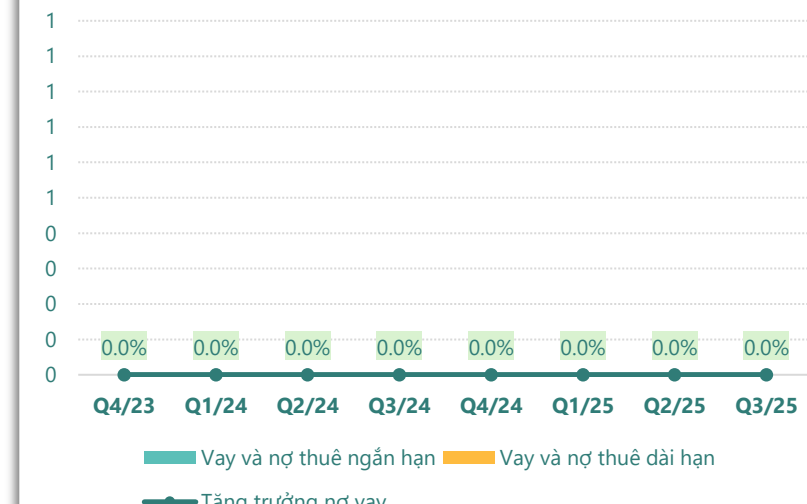
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

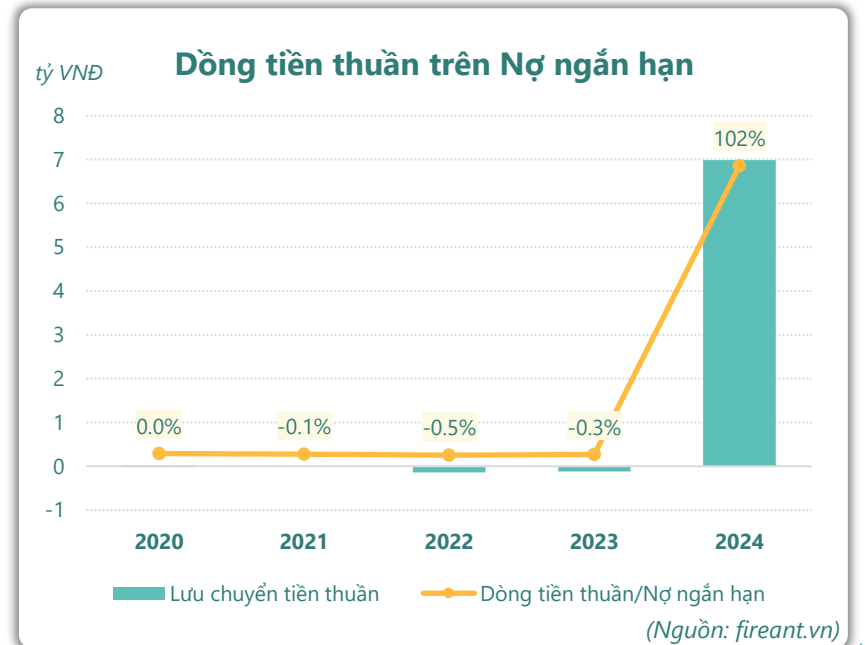
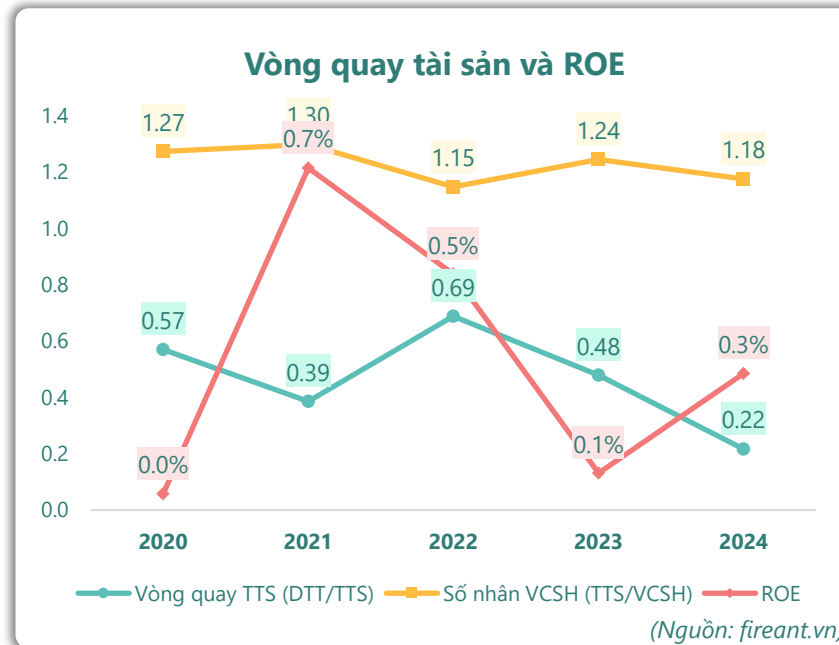
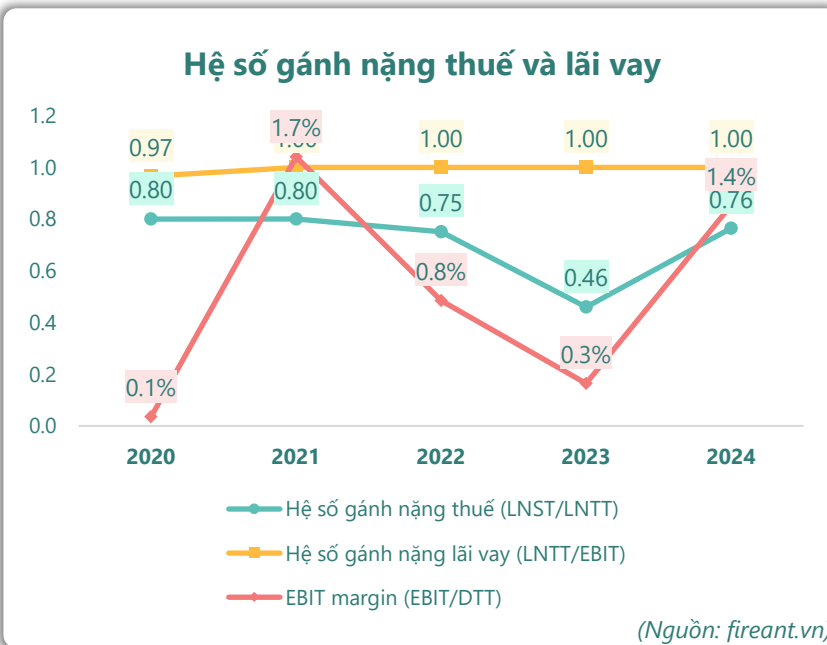
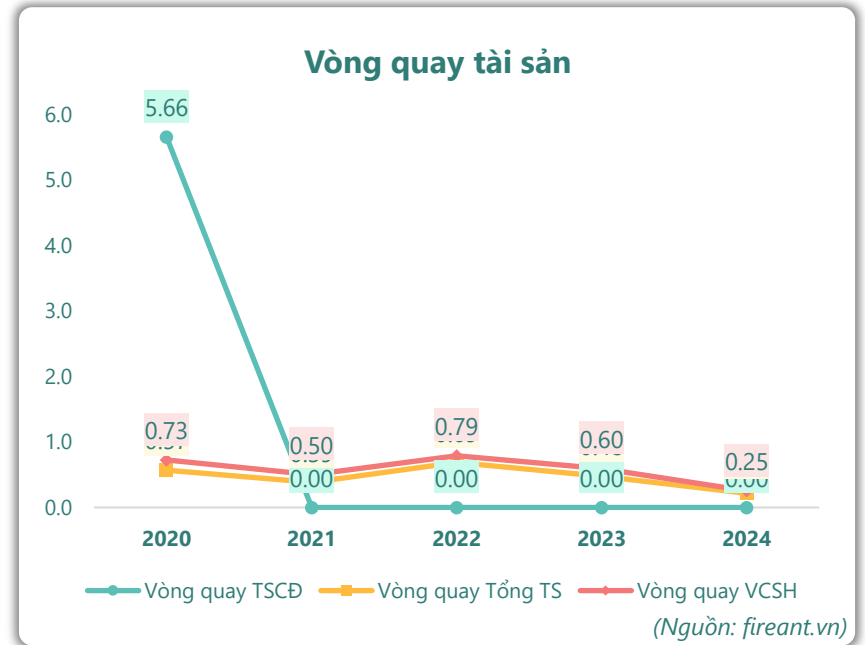
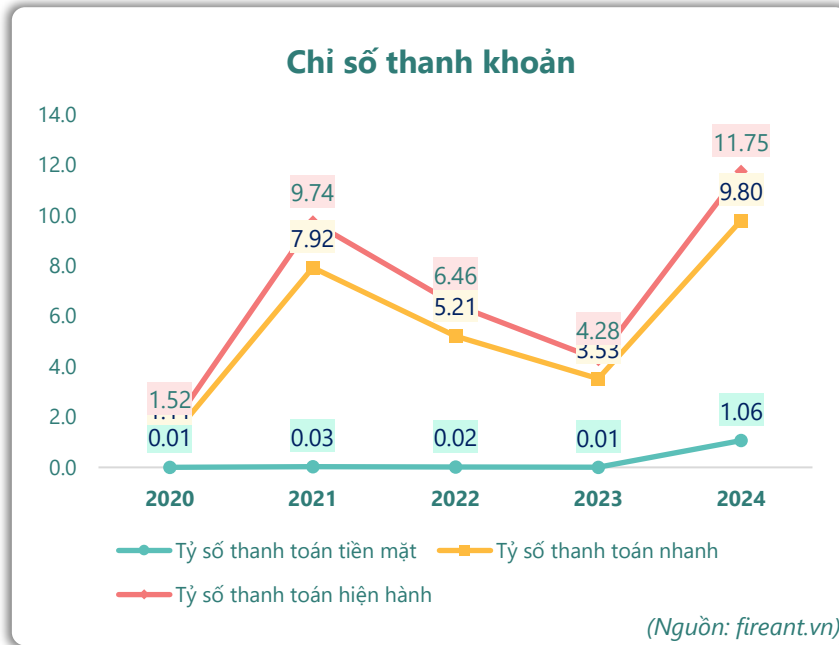
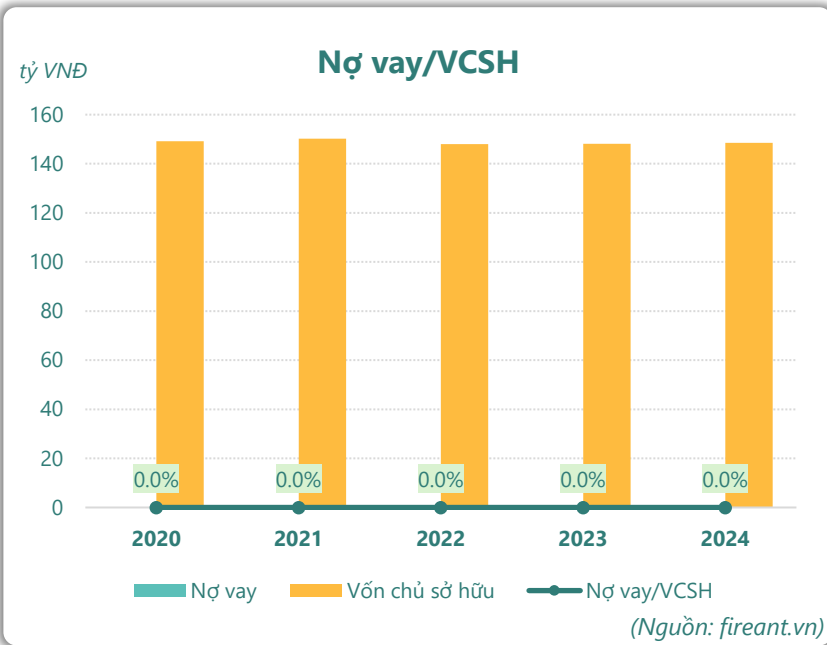
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	15.3	20.4	-25.0%	41.0	21.1	94.6%
Giá vốn hàng bán	15.1	19.7	-23.5%	40.5	20.3	99.4%
Lợi nhuận gộp	0.22	0.63	-64.4%	0.50	0.76	-33.9%
Doanh thu HĐTC	0.18	0.00		0.68	0.00	7803626%
Chi phí TC	0	0.00		0	0	
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	0.14	0.15	-3.4%	0.51	0.46	9.6%
LN thuần từ HĐKD	0.26	0.48	-45.4%	0.68	0.30	126%
Lợi nhuận khác	-0.04	0.00		-0.04	0.00	-9454%
LN trước thuế	0.22	0.48	-54.5%	0.63	0.30	111%
Lợi nhuận sau thuế	0.17	0.38	-56.3%	0.50	0.20	144%
LNST của CĐ cty mẹ	0.17	0.38	-56.3%	0.50	0.20	144%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.67	76.2	2.57	9.11	12.8	-0.64
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.00	-45.0	-30.0	-7.78	-20.0	11.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0	0	0	0
Tiền đầu kỳ	2.79	3.46	34.7	7.28	8.61	1.42
Lưu chuyển tiền thuần	0.67	31.2	-27.4	1.33	-7.19	10.8
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	3.46	34.7	7.28	8.61	1.42	12.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	161	155	3.6%
Tài sản ngắn hạn	31.9	80.4	-60.3%
Tiền và tương đương tiền	12.2	7.28	67.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	19.5	59.8	-67.3%
Hàng tồn kho	0.15	13.3	-98.8%
Tài sản ngắn hạn khác	0.00	0.00	0.0%
Tài sản dài hạn	129	75.0	72.0%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	129	75.0	72.0%
Tài sản dài hạn khác	0	0.00	-100%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	11.9	6.84	73.4%
Nợ ngắn hạn	11.9	6.84	73.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	5.40	0.18	2878%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	149	149	0.3%
Vốn chủ sở hữu	149	149	0.3%
Vốn điều lệ	121	121	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

